

# **KINH PHẬT THUYẾT ÂN CHA MẸ KHÓ ĐỀN ĐÁP**

**(Phật Thuyết Phụ Mẫu Ân Nan Báo Kinh)**

**Hán dịch: Tam Tạng An Thế Cao**

**NS Tịnh Quang dịch Việt và bình giải**

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.hoavouu.com>

*Chuyển sang ebook 10-06-2014*

*Người thực hiện :*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

**[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)**

---o0o---

Nghe như vậy, một thời Đức Thế Tôn ở thành Xá Vệ, vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên; bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ Kheo, cha mẹ đối với con có ân đức vĩ đại, bú mớm un đút, dựa vào thời tiết để nuôi nấng con... và hình hài con mới được trưởng thành.

Như có người vai phải cõng cha, vai trái cõng mẹ, trải qua hàng nghìn năm, gặp lúc cha mẹ tiểu tiện ở trên vai mà lòng không hề hờn giận mẹ cha; người con này cũng chưa đền đáp đủ ân đức của cha mẹ.

Muốn đền đáp ân đức cha mẹ là khi cha mẹ chưa có lòng chính tín thì khuyên bảo cha mẹ có lòng chính tín để có được nơi an ổn từ niềm tin đó, nếu cha mẹ chưa có tiếp nhận giới thì khuyên nên thọ giới quy y để có được nơi an ổn từ sự tiếp nhận giới, nếu cha mẹ không chịu nghe giáo pháp thì khuyên bảo họ nên nghe để có được sự an lạc từ việc nghe đó, nếu cha mẹ tham lam thì khuyên cha mẹ thực hành hạnh bố thí, vui vẻ khuyến khích để cho cha mẹ có được nơi an ổn. Nếu cha mẹ không có trí tuệ thì giúp cha mẹ học hỏi sáng tuệ, vui vẻ khuyến khích để họ có được niềm an lạc.

Như vậy mà khuyên (cha mẹ) chánh tín đối với chư Như lai, bậc Chí chơn đẳng chánh giác, bậc Minh hạnh thành, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Đạo pháp ngự, Thiên nhân sư, hiệu Phật Thế tôn.<sup>1</sup>

Và khuyên cha mẹ chánh tín đối với giáo pháp; tiếp nhận giáo pháp để có được nơi an ổn, hiểu được các pháp thâm thâm, hiện tiền đạt được kết quả từ ý nghĩa cao siêu đó; như thế là người trí, mới minh thông việc (khuyên nhắc) này.

Lại khuyên cha mẹ chánh tín với Thánh chúng (Tăng bảo). Thánh chúng của Như lai là bậc tu hành hoàn toàn thanh tịnh, là bậc mô phạm thường hoà hợp, thành tựu các pháp, Thành tựu Giới, thành tựu Định, thành tựu Trí tuệ, thành tựu Giải thoát, thành tựu Giải thoát tri kiến<sup>2</sup>

Sở dĩ gọi là Thánh chúng vì các vị này đã và đang thành tựu Tứ song Bát bối<sup>3</sup>, đó là Như lai Thánh chúng, bậc xứng đáng tôn quý, nên tôn phụng và kính ngưỡng, các vị Thánh chúng là ruộng phước Vô thượng cho thế gian.

Như thế các người con (hiếu), nên khuyên cha mẹ mình thực hành (nếp sống) đạo từ bi.

Các thầy Tỳ kheo thì có hai đứa con, đó là con sinh (cho pháp) và con dưỡng (tu pháp). Như thế Tỳ kheo có hai người con, cho nên chư Tỳ kheo cần phải phát huy đứa con sinh của mình, nghĩa là miệng thường phát ra lời Pháp vị, do đó các Tỳ kheo, nên như vậy mà tu tập.

Bây giờ các thầy Tỳ kheo, nghe lời dạy của Đức Thế tôn rồi, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

### **Lời bình:**

*“Thiên kinh vạn điển, hiếu hạnh vi tiên,”* câu này ai cũng nằm lòng, nhưng xem ra việc thực thi không phải là dễ dàng, nhất là trong một xã hội thực dụng và những biến động cuồng loạn như ngày nay.

*Xã hội Á đông ngày xưa thì lấy thước đo đạo đức chuẩn mẫu của con người xuyên qua việc hiếu đạo đối với mẹ cha. Kinh Thi nhắc nhở: “Thương thay cha mẹ, khổ cực nuôi ta, muốn báo thâm ân, như trời cao lồng lộng...” (Ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao, dục báo thâm ân, hiếu thiên võng cực...) Không dừng lại ở đây, người Trung Quốc có câu châm ngôn: “Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Trong việc tề gia, người Trung Quốc đặt căn bản sự tôn ti trật tự và hòa ái trong gia đình là yếu tố căn bản, đặc biệt việc tôn kính cha mẹ là trên hết; người có hiếu đạo mới có thể làm được việc chính trị, đứng đầu trăm họ. Lịch sử của Trung Quốc ghi nhận rằng, thời đại an bình và huy hoàng nhất của Trung Quốc là thời vua Ngu Thuấn và vua Văn Đế, trước khi ra làm vua hai vị minh quân này đã có hiếu đạo, tôn phụng cha mẹ cảm động đến trời đất (Nhị Thập Tứ Hiếu).*

*Truyền thống hiếu đạo nghìn đời của văn hóa Việt nam thì được thể hiện qua câu ca dao bất hủ:*

*“Công cha như núi thái sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.”*

*Như thế mà hiếu, ơn cha cao vời vợi, tình mẹ thì vô cùng...và những ai thực thi được hạnh hiếu đều được xã hội yêu mến và kính trọng dù kẻ đó không biết được một chữ i tờ.*

*Theo quan điểm của Đức Thế Tôn, sự quý kính và phụng dưỡng hết lòng đối với cha mẹ là chưa đủ để nói lên công lao trời biển của hai đấng sinh thành, dù cho chúng ta có công cha mẹ hàng nghìn năm, hay như cái hiếu của Giang Cách đời nhà Hán công mẹ lánh nạn về Hạ Bì thì cũng không thấm vào đâu cả. Bởi vì dù cho chúng ta có lo “hơi ẩm quạt nồng,” giúp cho cha mẹ ăn ngon mặt sướng, công cha mẹ đi chơi suốt năm này tháng nọ...vẫn không giúp cha mẹ thoát được nỗi khổ đau của thân xác như già, bệnh... và nỗi khổ đau do vô minh nên luân chuyển trong vòng sinh tử luân hồi bất tận.*

*Trong kinh Đức Thế Tôn thường dạy: “trong tất cả nỗi đau khổ thì vô minh chính là sự đau khổ lớn nhất..” cho nên Đức Thế Tôn khuyên bảo những người con hiếu rằng, nếu thương cha mẹ thực lòng, ngoài việc phụng dưỡng ra chúng ta nên khuyến khích cha mẹ tiếp nhận giới, pháp và tu tuệ, chỉ có cha mẹ mình đi đứng trên con đường tam vô lậu học như thế mới có thể bước ra khỏi bóng tối đêm dài của vô minh, là nơi an ổn nhất, nơi hạnh phúc nhất để nương tựa khi tuổi xế chiều.*

*Ngày nay ở các nước Tây phương (nhất là Hoa Kỳ) thì cha mẹ già yếu là trọng trách của xã hội và của chính quyền hơn là người con. Văn hóa Á châu cũng đã thay đổi, ở Việt Nam không ít cha mẹ già cả cảm thấy cô đơn bèn đến chùa để tìm nguồn an ủi tâm hồn thì may ra mới năn nỉ được con mình cùng đến chùa ! Phải chăng thời đại vật chất đã lấn át những giá trị cao quý của tinh thần?*

*Theo lời dạy của Đức Thế Tôn, người Phật tử muốn làm tròn hiếu đạo phải có trách nhiệm giúp cha mẹ thoát khổ được vui; không phải là cái vui mà Lão Lai đời Xuân Thu làm hề cho cha mẹ cười cả ngày, đây chỉ là cái vui của nhất thời, mà là tạo điều kiện cho cha mẹ có được niềm an vui lâu dài từ việc rũ bỏ tham-sân-si khi quay về nương tựa tam bảo.*

*Khi còn trẻ mẹ cha chúng ta đã vất kiệt tuổi xuân để lo cho con cái, khi nhan sắc đến độ hoàng hôn, thân xác già nua thì họ có mặc cảm vô dụng, đứng bên xó xỉnh cuộc đời...chúng ta không thể làm bất cứ điều gì để khóa lấp nỗi buồn mênh mang đó (!). Cách duy nhất là khuyên bảo cha mẹ có lòng tin đối với Phật, Pháp và Tăng. Khi cha mẹ có chánh tín đối với Phật, họ sẽ nhận ra được khả năng giác ngộ vốn có của mình. Khi cha mẹ có chánh tín đối với Pháp, họ sẽ tìm thấy con đường tu tập để vượt thoát sinh tử luân hồi và có được hạnh phúc chân thật. Khi cha mẹ có chánh tín đối với Tăng, họ sẽ nhận ra được tánh giác thanh tịnh của mình. Người Phật tử vâng lời Phật dạy mà khuyên bảo cha mẹ quay về Tam bảo thì không còn hiếu hạnh nào hơn.*

*Đức Thế Tôn là một đặc trưng cụ thể của tám gương hiếu hạnh này. Sau khi thành đạo Ngài đã đem giáo pháp độ cho vua cha, trước lúc băng hà nhờ tiếp nhận giáo pháp mà vua Tịnh Phạn chứng đắc Tu Đà Hoàn quả; song song việc này Ngài lại lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp để độ cho mẹ; và đặc biệt Ngài đã tiếp nhận Di mẫu và năm trăm nữ Xá Di của hoàng tộc xuất gia và đều chứng đắc Thánh quả A La Hán.*

*Đối với Mạnh Tử thì “bất hiếu có ba, không con nói dối là lớn nhất” (bất hiếu hữu tam, vô hậu vị đại-Hiếu Kinh); khác với thế gian, Đức Thế Tôn đặt nặng vấn đề giải quyết những nỗi đau khổ tinh thần cho cha mẹ ngay khi cha mẹ còn sống “Phụ mẫu Tại đường như Phật tại thế”; những người xuất gia là biểu tượng của lòng hiếu đạo, bởi vì họ không ràng buộc bởi tình thương yêu đối với vợ (chồng) con, mục đích của hàng Tăng bảo là “thượng cầu Phật đạo hạ hoá chúng sinh,” chúng sinh ở đây trước hết là cha mẹ hiện đời, và sau đó là cha mẹ của nhiều đời; đó là ý nghĩa cao cả nhất của hiếu đạo.*

*Thay vào đó Đức Thế Tôn xác nhận rằng, người xuất gia không phải là kẻ “vô hậu,” mà mỗi thầy Tỳ Kheo đều có hai người con cần phải nuôi nấng, đó là con sinh và con dưỡng. Con sinh: nghĩa là người xuất gia phải biết sáng tạo, phải biết nói (viết, thể hiện) ra pháp vị để lợi lạc hữu tình. Con dưỡng: nghĩa là người xuất gia phải tu tập giới (thiền)- định-tuệ để nuôi dưỡng huệ mạng của mình. Hai người con mà Đức Thế Tôn nói trong kinh sẽ tiếp nối giọng giống thánh làm cho Phật pháp cửu trụ ta bà, chúng sinh (là cha mẹ thân bằng quyến thuộc của chúng ta nhiều đời) nhờ đó mà được thấm nhuần mưa pháp an lạc; Như thế mới gọi là đền đáp đầy đủ thâm ân cha mẹ.*

---o0o---  
Hết

---

<sup>1</sup> Mười Đức hiệu của Phật (Mục Tư Vấn-GNO):

1) Như Lai (S.Tathàgata), bậc nương vào Chân như (Như) mà đến (Lai) và thành Chánh giác. Theo kinh Kim Cang, Như Lai có nghĩa là “Vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ”, không từ đâu đến và cũng chẳng về đâu, hàm ý từ bản thể Chân như (hiện ra) và có mặt cùng khắp mọi nơi. Khi nói về mình, Phật Thích Ca xưng là Như Lai.

2) Ứng Cúng (S.Arhat), bậc xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của trời và người. Ứng Cúng còn là một đức hiệu của các bậc thánh A-la-hán (phần kinh văn thiếu.)

3) Chánh Biến Tri (S.Samyak-sambuddha), bậc có khả năng hiểu biết (Tri) đúng đắn (Chánh) và cùng khắp (Biến) tất cả các pháp (phần này trong kinh văn gọi là Chí chơn đẳng chánh giác.)

---

4) Minh Hạnh Túc (S.Vidyà-carana-sampanna), bậc trí tuệ và phước đức vẹn toàn. Minh là trí tuệ (Thiên nhãn minh, Túc mạng minh, Lộ tận minh). Hạnh là phước đức, tức các hạnh nghiệp đều toàn thiện, viên mãn. Túc nghĩa là đầy đủ, vẹn toàn (Kinh văn là Minh hạnh thành.)

5) Thiện Thệ (S.Sugata), bậc “khéo léo vượt qua mọi chướng ngại và ra đi một cách tốt đẹp”, nghĩa là sau khi chứng đạo dùng Nhất thiết trí hóa độ chúng sanh, thực hành Bát thánh đạo rồi an trú Niết-bàn.

6) Thế Gian Giải (S.Loka-vid), bậc thấu hiểu và rõ biết (Giải) tất cả từ quá khứ, hiện tại cho đến vị lai (Thế) ở trong mười phương thế giới (Gian).

7) Vô Thượng Sĩ (S.Anuttara), bậc tối tôn tối thượng, không ai có thể hơn được.

8) Điều Ngự Trượng Phu (S. Purusa-damyasàrathi), bậc có khả năng dùng các phương tiện thiện xảo để điều phục, nhiếp hóa, dẫn dắt (Điều Ngự) người tu hành (Trượng Phu) khiến họ thành tựu giải thoát, chứng đắc Niết-bàn (Trong phần kinh văn là Đạo pháp ngự.)

9) Thiên Nhơn Sư (S.Sàtà deva-manusyanam), bậc thầy của trời và người.

10) Phật-Thế Tôn (S.Buddha-Bhagavat), bậc giác ngộ, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn và được thế gian đều tôn kính.

<sup>2</sup> Là năm phần hương dụ cho 5 phần Pháp thân (Phật Quang Từ Điển):

1) Giới thân (Sila-skandha); còn gọi là Giới uẩn, Giới chúng, Giới phẩm, tức là thân ngữ nghiệp vô lậu. Khi Thành tựu giới thì ba nghiệp của thân miệng ý đều thanh tịnh.

2) Định hương (Samàdhi-skandha); còn gọi Định uẩn, Định chúng, Định phẩm. Tức là 3 Tam-muội: Không, Vô nguyện, Vô tướng. Thành tựu Định nghĩa là thể nhập vào trạng thái 3 không, xả ly tất cả sự chấp thủ vọng niệm.

3) Tuệ thân (Prajnà-skandha); còn gọi là Huệ uẩn, Huệ phẩm, tức chánh kiến, chánh tri. Thành tựu Tuệ là đạt được sự thấy và hiểu biết đúng đắn; thông đạt tất cả pháp tánh

4) Giải thoát thân (Vimukti-skandha); còn gọi: Giải thoát uẩn, Giải thoát chúng, Giải thoát phẩm, là thắng giải tương ứng với chánh tri kiến. Thành tựu Giải thoát là thành tựu tự thể của Như lai, xa lìa những sự trói buộc, giải thoát tất cả những sự trói buộc.

5) Giải thoát tri kiến (Vimukti-jnàna-darsana-skandha); còn gọi: Giải thoát sở kiến thân, Giải thoát tri kiến uẩn, Giải thoát tri kiến chúng, Giải thoát tri kiến phẩm.

---

Thành tựu Giải thoát tri kiến chứng đạt tận trí, vô sanh, chứng biết tự thể xưa nay vô nhiễm, thật sự giải thoát.

<sup>3</sup> Đã thành A la hán thì được gọi là A la hán quả, đang tu A la hán thì được gọi là A la hán hướng, đã thành A na hàm thì được gọi là A na hàm quả, đang tu A na hàm thì được gọi là A na hàm hướng, đã thành Tu đà hàm thì được gọi là Tu đà hàm quả, đang tu Tu đà hàm thì được gọi là Tu đà hàm hướng, đã thành Tu đà hoàn thì được gọi là Tu đà hoàn quả, đang tu Tu đà hoàn thì được gọi là Tu đà hoàn hướng. Những bậc đã thành tựu bốn quả và đang tu bốn quả được gọi là tám bậc, chia làm bốn đôi gọi là tứ song bát bối (cattari purisayugani attha purisapuggala.)